Chi tiết mã HS 8447.90.20

Mã HS	8447.90.20
Mô tả hàng hóa	Máy dệt kim, máy khâu đính và máy tạo sợi quấn, sản xuất vải tuyn, ren, thêu, trang trí, dây tết hoặc lưới và máy tạo búi / - Loại khác: / - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 00:44:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84479020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13972
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13972
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13972
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13291
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13232
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13232
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13232
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13232
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13232
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13232
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13286
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13286
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13286

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13286
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13286
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13286
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13287
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13287
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13287
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13287
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13287
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13287
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13290
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13238
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13246
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13246
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13246
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13246
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13246
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13246
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13277
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13277
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13277
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13277
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13277
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13277
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13326
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13326
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13326

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13326
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13326
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13326
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13309
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13309
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13309
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13309
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13309
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13309
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13309
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13309
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13309
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13309
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13309
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13309
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13324
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13324
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13324
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13324
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13324
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13324
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13323
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13323
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13323
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13323
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13323

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13323
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13303
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13303
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13303
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13303
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13303
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13303
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13303
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13311
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13311
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13311
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13311
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13311
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13311
RCEP B	2022	2022	0	B!D13311
RCEP B	2023	2023	0	B!E13311
RCEP B	2024	2024	0	B!F13311
RCEP B	2025	2025	0	B!G13311
RCEP B	2026	2026	0	B!H13311
RCEP B	2027	2027	0	B!I13311
RCEP C	2022	2022	0	C!D13311
RCEP C	2023	2023	0	C!E13311
RCEP C	2024	2024	0	C!F13311
RCEP C	2025	2025	0	C!G13311
RCEP C	2026	2026	0	C!H13311
RCEP C	2027	2027	0	C!I13311

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13310
RCEP D	2023	2023	0	D!E13310
RCEP D	2024	2024	0	D!F13310
RCEP D	2025	2025	0	D!G13310
RCEP D	2026	2026	0	D!H13310
RCEP D	2027	2027	0	D!I13310
RCEP E	2022	2022	0	E!D13314
RCEP E	2023	2023	0	E!E13314
RCEP E	2024	2024	0	E!F13314
RCEP E	2025	2025	0	E!G13314
RCEP E	2026	2026	0	E!H13314
RCEP E	2027	2027	0	E!I13314
RCEP F	2022	2022	0	F!D13311
RCEP F	2023	2023	0	F!E13311
RCEP F	2024	2024	0	F!F13311
RCEP F	2025	2025	0	F!G13311
RCEP F	2026	2026	0	F!H13311
RCEP F	2027	2027	0	F!I13311
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12350
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12350
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12350
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12350

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8447.90 có 2 dòng thuế; dòng 8447.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	8447.90.10 Hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8447.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8447.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13972), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.